

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2022/TLST- DS, ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST – DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Phan Thanh V, sinh năm 1985

Nơi cư trú: ấp Quí Thạnh, xã Quới Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Minh C, sinh năm 1984 nơi cư trú ấp Phú, xã Tân Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2022.

Anh Nguyễn Minh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:**

1. Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 38/3 ấp 4 (nay là ấp TQ), thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Lê Hoàng D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 25/2 ấp 4 (nay là ấp TQ), thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Minh C trình bày::*

Vào ngày 05/12/2019 vợ chồng của chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D có hỏi mượn của anh Phan Thanh V số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đến ngày 31/7/2020 vợ chồng chị N, anh D tiếp tục hỏi mượn anh V thêm số tiền 100.000.000 đồng để là ăn và hứa trả lại trong vòng 06 tháng. Trong 02 lần mượn tiền của anh V thì chị N, anh D đều có viết biên nhận và có ký tên xác nhận nợ. Đến thời hạn trả nợ anh V đã nhiều lần yêu cầu chị N, anh D trả nợ nhưng cứ hẹn mà không thực hiện việc trả nợ. Nay anh Phan Thanh V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Hoàng D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không có lời trình bày theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận tranh chấp chứng cứ và hòa giải nhưng cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ, nhiều lần vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh V về việc buộc chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả số vốn vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ghi nhận anh Phan Thanh V không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Phan Thanh V vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D có nơi cư trú tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Minh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt

không lý do. Tòa án xét xử vắng mặt anh Cường, chị N và anh D là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Khi khởi kiện anh Phan Thanh V có cung cấp cho Tòa án 02 giấy biên nhận nợ, thể hiện ngày 05/12/2019 chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D có hỏi mượn của anh Phan Thanh V số tiền 200.000.000 đồng; ngày 31/7/2020 mượn anh V thêm số tiền 100.000.000 đồng. Nội dung biên nhận nợ chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D ghi đầy đủ họ tên, năm sinh và nơi cư trú và số tiền vay của anh V ký xác nhận nợ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc thỏa thuận vay tiền giữa anh Phan Thanh V với chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp. Do chị N, anh D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh V khởi kiện yêu cầu chị N, anh D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 300.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét việc chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D vay tiền của anh Phan Thanh V giao dịch này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, trong 02 biên nhận nợ ngày 05/12/2019 và ngày 31/7/2020 chị N, anh D đều có ký tên vào biên nhận xác nhận nợ. Việc vay tiền của chị N, anh D nhằm để phục vụ cho việc phát triển kinh tế gia đình, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng khi vợ chồng khi tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phan Thanh V số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là đúng quy định của pháp luật.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Thanh V được chấp nhận, nên chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 27, 228 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh V.

Buộc chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phan Thanh V số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ghi nhận anh Phan Thanh V không yêu cầu tính lãi.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng N, anh Lê Hoàng D phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh Phan Thanh V theo biên lai thu số 0004520 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương